TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU,** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS -ST

Ngày: 25 - 9 - 2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thoả và bà Đặng Thị Thu Trang

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 46/2024/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST - DS, ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P1 (OCB)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số D & D đường L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T1 – Chức vụ: Giám đốc phòng G (theo văn bản ủy quyền số 66/2021/UQ-CT.HĐQT ngày 30/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng P1.

Địa chỉ: Lô A, khu dân cư G, đường M, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đượi ông Nguyễn Đức T1 ủy quyền lại: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Lô A, khu dân cư G, đường M, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Văn Đức S, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Chị Vương Thị H1, sinh năm 1976. Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ngân hàng TMCP P1 chi nhánh N1 có cấp tín dụng cho anh Văn Đức S, chị Vương Thị H1 theo Hợp đồng tín dụng số 0203/2020/PGD/HĐTD ngày 09/11/2020, hạn mức tín dụng tối đa là 675.000.000đ (sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng), số tiền giải ngân là 675.000.000đ (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng) theo khế ước nhận nợ số 0203.01/2020/PGD/KUNN ngày 10/11/2020, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất trong 03 tháng đầu là 10,5%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi được điều chỉnh 6 tháng/lần. Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh S, chị H1 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0203/2020/PGD/HĐTC ngày 09/11/2020 thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 diện tích 268.6m^2 tại xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 017877 do UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/10/2020, cập nhật thay đổi ngày 26/10/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh S, chị H1 đã trả được cho ngân hàng số tiền 503.574.505đ (trong đó: tiền gốc là 241.925.000đ, lãi thanh toán: 256.793.783đ, lãi quá hạn: 4.855.722đ). Anh S, chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng bắt đầu từ ngày 17/02/2024 thì ngân hàng đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn. Đến ngày 25/9/2024 anh S, chị H1 còn nợ ngân hàng số tiền 444.238.846đ, trong đó nợ gốc 433.075.000đ, lãi trong hạn: 2.020.397đ, lãi quá hạn: 9.143.449đ. Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn yêu cầu anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1 phải trả cho Ngân hàng P1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 444.238.846đ, trong đó nợ gốc 433.075.000đ, lãi trong hạn: 2.020.397đ, lãi quá hạn: 9.143.449đ. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, phí phát sinh kể từ ngày 26/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng đã ký và theo quy định của pháp luật cho đến khi anh S, chị H1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P1.

Trường hợp anh S, chị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP P1 được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 diện tích 268,6m^2 xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 017877 do UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/10/2020, cập nhật thay đổi ngày 26/10/2020 và các tài sản trên đất để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản đảm bảo không đủ nghĩa vụ trả nợ thì anh T, chị M tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 cho đến khi trả nợ xong.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2024 bị đơn chị Vương Thị H1 trình bày: Vào ngày 09/11/2020 vợ chồng chị có ký hợp đồng tín dụng số 0203/2020/PGD/HĐTD vay của ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền 675.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất vay ba tháng đầu 10,5%/tháng, từ tháng thứ 4 trở đi điều chỉnh 6 tháng một lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn. Để đảm bảo khoản vay vợ chồng chị ký hợp đồng thế chấp cho ngân hàng O thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 tại xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chị đã trả cho ngân hàng một số tiền gốc và lãi. Khoảng từ cuối năm 2023 do kinh tế khó khăn nên vợ chồng chị vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện vợ chồng chị phải trả số nợ gốc là 468.231.779đ và lãi suất thì vợ chồng chị xin được trả toàn bộ nợ gốc và lãi suất quá hạn để tiếp tục thực hiện hợp đồng. Hiện nay anh Văn Đức S đang đi làm thỉnh thoảng có việc mới về nhà. Các tài liệu và thông báo của Tòa án chị đã thông báo nội dung cho anh S. Ý kiến của anh S là xin ngân hàng trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi suất quá hạn để tiếp tục thực hiện hợp đồng với ngân hàng.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2024 như sau: Tài sản thế chấp là thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 (bản đồ số) diện tích 268,6m^2 tại xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Xuân P

Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Đình H2

Phía Tây giáp đường liên xóm

Phía Nam giáp ngõ vào nhà ông Nguyễn Đình H2.

Trên đất có những tài sản sau: 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian (hai gian lợp ngói, một gian đổ bằng) xây năm 2012, tường xây sò, có da trát và sơn, nền lát gạch liên doanh diện tích 70,7m^2, nhà tắm, nhà vệ sinh =5,91m^2, tường phía sân giếng phía dưới xây tường sò táp lô có da trát, phía trên rào bằng tôn, bếp nền lát gạch liên doanh =17,3m^2 , sân nền lát gạch liên doanh (phía trước nhà cấp 4) = 33,2m^2 , mái tôn lợp trên sân và bếp = 52,96m^2, mái tôn lợp trên sân giếng = 15,21m^2, hai trụ cổng bê tông lát gạch liên doanh và 04 cánh cổng sắt hộp, ốt quán phía trước nhà cấp 4 (nằm ở phía nam thửa đất) nền lát gạch liên doanh, mái lợp tôn xây năm 2023, các cạnh cụ thể như sau: Phía Bắc = 11,7m; Phía Đông = 10,3m; Phía Nam = 10m; Phía Tây = 10,3m, có tường bao ở phía Nam và phía Tây. Cột cổng bằng tôn giả gỗ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS; bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS làm ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1 (O). Buộc anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP P1 (OCB) tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 444.238.846đ, trong đó nợ gốc 433.075.000đ, lãi trong hạn: 2.020.397đ, lãi quá hạn: 9.143.449đ. Bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Nếu anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1 không trả nợ thì Ngân hàng O có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 0203/2020/PGD/HĐTC ngày 09/11/2020 giữa ngân hàng O và anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mại tài sản không đủ thanh toán nợ thì anh S, chị H1 tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được Ngân hàng trả cho bên bảo đảm.

Ngân hàng TMCP P1 thông qua Phòng G có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 017877, số vào sổ cấp GCN: CH 03146 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/10/2020 cho anh S, chị H1 khi anh S, chị H1 tự nguyện thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1 có nơi thường trú tại xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng anh S, chị H1 đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về yêu cầu thanh toán khoản vay của Ngân hàng:

Hợp đồng tín dụng số 0203/2020/PGD/HĐTD ngày 09/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP P1 và anh Văn Đức S, chị Vương Thị H1 được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung và hình

thức hợp đồng. Do đó hợp đồng các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện các hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay là giao đủ tiền theo khế ước nhận nợ số 0203.01/2020/PGD/KUNN ngày 10/11/2020 và hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Tuy nhiên, về phía bị đơn anh S, chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ngày 17/2/2024 Ngân hàng đã ban hành thông báo số 1702/2024/TB-OCB về việc chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị H1, anh S công nhận có ký hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay. Anh S và chị H1 xin trả số tiền nợ gốc và lãi suất quá hạn để tiếp tục thực hiện hợp đồng với ngân hàng nhưng đến nay anh S chị H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, anh S, chị H1 là vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận đây là khoản nợ chung của anh S, chị H1. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu S, chị H1 trả số tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký (lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần buộc anh S, chị H1 trả cho ngân hàng khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 25/9/2024 như nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ, buộc bị đơn anh Văn Đức S, chị Vương Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 25/9/2024: Số tiền 444.238.846đ, trong đó nợ gốc 433.075.000đ, lãi trong hạn: 2.020.397đ, lãi quá hạn: 9.143.449đ và toàn bộ lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng trong trường hợp anh S, chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 diện tích 309,6m^2 tại xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của anh Văn Đức S, chị Vương Thị H1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 05960 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 13/01/2022, đều được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là người có quyền sử dụng hợp pháp là anh S, chị H1. Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội. Quá trình giải quyết vụ án chị H1 thừa nhận việc ký hợp đồng thế chấp là tự nguyện, đảm bảo nghĩa vụ cho khoản vay tín

dụng của vợ chồng chị với ngân hàng. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0203/2020/PGD/HĐTC ngày 09/11/2020 giữa ngân hàng O và anh Văn Đức S, chị Vương Thị H1 có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Trong trường hợp anh S, chị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghĩa vụ được thanh toán đầy đủ bên nhận thế chấp sẽ chuyển giao cho bên thế chấp toàn bộ các giấy tờ tài sản thế chấp (trừ trường hợp tài sản thế chấp bị xử lý).

[3]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP P1 đã nộp số tiền tạm ứng chi phí tố tụng, không yêu cầu bị đơn hoàn trả chi phí này cho Ngân hàng nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1 (OCB) nên bị đơn anh Văn Đức S, chị Vương Thị H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP P1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P1.

[1] Buộc anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 0203/2020/PGD/HĐTD ngày 09/11/2020 là 444.238.846đ (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 433.075.000đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), lãi trong hạn: 2.020.397đ (Hai triệu không trăm hai mươi nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), lãi quá hạn: 9.143.449đ (Chín triệu một trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng).

[2] Trường hợp anh S, chị H1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ Hợp đồng tín dụng số 0203/2020/PGD/HĐTD ngày 09/11/2020 thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế

chấp để thu hồi nợ là: quyền sử dụng thửa đất Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28 có diện tích 268.6m^2 tại xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của anh Văn Đức S và chị Vương Thị H1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 017877 do UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/10/2020, cập nhật chuyển nhượng ngày 26/10/2020 và các tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0203/2020/PGD/HĐTC ngày 09/11/2020.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mại tài sản không đủ thanh toán nợ thì S, chị H1 tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được Ngân hàng trả cho anh S, chị H1.

Sau khi nghĩa vụ được thanh toán đầy đủ bên nhận thế chấp sẽ chuyển giao cho bên thế chấp toàn bộ các giấy tờ tài sản thế chấp (trừ trường hợp tài sản thế chấp bị xử lý).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0203/2020/PGD/HĐTD ngày 09/11/2020. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Về án phí:

Anh Văn Đức S, chị Vương Thị H1 phải chịu 21.770.000đ (Hai mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP P1 số tiền 11.772.000đ (Mười một triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP P1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005552 ngày 10/4/2024.

[7] Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản sao bản án được niêm yết lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***Nơinhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND h. Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS h. Q;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HS.

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị N